

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 12 - 2021.

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
- ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Lươl.
2. Bà Đoàn Thị Kim Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 13 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Kim L, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã LT, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Mai Thanh Ph, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã LT, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, chị Trần Kim L và anh Mai Thanh Ph do quen biết và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Ngày 14/9/2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã LT, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, chị L và anh Ph không còn quan tâm chia sẻ cuộc sống chung vợ chồng, mặc dù đã tìm cách hàn gắn và động viên nhau nhưng không thành. Hiện tại cuộc sống chung không còn hạnh phúc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh Ph có 02 con chung tên Mai Tuyết B (nữ), sinh ngày 25/9/2008 và Mai Minh L1 (nam), sinh ngày 13/10/2012. Các cháu hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B và cháu L1, yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L khai có nhưng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút lại yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi cháu B và cháu L1, các phần còn lại chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu. Tại phiên tòa chị L không có thay đổi gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Mai Thanh Ph đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị L và Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Ph để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Ph từ chối vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Ph. Tại phiên tòa anh Ph vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Mai Thanh Ph đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Ph.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho ly hôn giữa chị L và anh Ph; Tiếp tục giao cháu B và cháu L1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; Anh Ph chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu B và cháu L1 do chị L chưa yêu cầu; Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: Không có nên không xem xét; về án phí buộc chị L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn chị Trần Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Mai Thanh Ph và có yêu cầu được nuôi con chung. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn và nuôi con” được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Tại phiên tòa, bị đơn Mai Thanh Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Mai Thanh Ph nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh Ph theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Ph tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị L và anh Ph được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh Ph phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị L cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh Ph không thể hàn gắn, chị L không thể tiếp tục sống chung với anh Ph được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Ph. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị L và anh Ph thể hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa và đã ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, thời gian ly thân kéo dài nhưng anh chị không thể tự hàn gắn. Tòa án đã tiến hành triệu tập chị L và anh Ph nhiều lần để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ nhưng anh Ph vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Ph thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị L và anh Ph không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà chị L yêu cầu xin ly hôn với anh Ph là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Cho chị L và anh Ph được ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh Ph có 02 con chung tên Mai Tuyết B (nữ), sinh ngày 25/9/2008 và Mai Minh L1 (nam), sinh ngày 13/10/2012. Các cháu hiện đang sống chung với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi cháu B và cháu L1. Xét thấy, từ khi chị L và anh Ph ly thân cho đến nay, cháu B và cháu L1 sống chung với chị L, được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, mặc khác cháu B và cháu L1 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng là được sống chung với chị L. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu B và cháu L nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu B và cháu L1 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút lại yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi cháu B và cháu L1. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, anh Ph chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu B và cháu L1.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị L khai có nhưng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị L khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim L đối với anh Mai Thanh Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Kim L và anh Mai Thanh Ph.

2. Về con chung: Nguyên đơn chị Trần Kim L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mai Tuyết B (nữ), sinh ngày 25/9/2008 và Mai Minh L1 (nam), sinh ngày 13/10/2012, hiện nay cháu B và cháu L1 đang sống chung với chị L. Về cấp dưỡng: Anh Ph chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L chưa yêu cầu. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Ph không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L khai có nhưng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về nợ chung: Chị L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Kim L phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo lai thu số 0006022 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã LT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Ngọc Thới Phần